



TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH LẠNG SƠN
凉山省投资、商贸与旅游促进中心

LẠNG SƠN

**TIỀM NĂNG
CƠ HỘI ĐẦU TƯ**

凉山投资潜在机会

TỔNG QUAN LANG SƠN

凉山省概况

Lang Sơn là tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, là điểm nút giao lưu kinh tế các tỉnh vùng Đông Bắc, Đồng bằng Sông Hồng và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc, kết nối thuận lợi với thủ đô Hà Nội và là cửa ngõ đường bộ quan trọng nhất trong kết nối Việt Nam, các nước ASEAN với thị trường Trung Quốc rộng lớn.

凉山省是越南边境山区的省份，位于越南北部中游与山区地区，是越南东北省份、红河三角洲与中国广西壮族自治区的经济交流节点，与越南首都河内有着便捷连接，且是连接越南、东盟国家与中国庞大市场的最重要道路门户。

ĐỊA LÝ - TỰ NHIÊN/ 自然地理

Khu vực/地理位置:
ĐÔNG BẮC VIỆT NAM/ 越南东北部

Diện tích/ 面积: **8.310km²**

Đường biên giới: **231,74 km** (Trung Quốc)
边境线: 与中国接壤的边境线长达231.74公里

DÂN SỐ - HÀNH CHÍNH/ 行政区划-人口

Dân số (2022): **802.090** Người
人口 (2022年): 802.090人

Đơn vị hành chính/ 行政地区:

THÀNH PHỐ LANG SƠN/ 凉山市:

10 HUYỆN: Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập, Văn Quan, Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Lãng, Tràng Định

10个县: 右陇县、枝凌县、高禄县、禄平县、定立县、文关县、北山县、平嘉县、文郎县、长定县

Cửa khẩu/ 口岸:

Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị
友谊关国际口岸

Cửa khẩu Ga đường sắt Quốc tế Đồng Đăng
同登国际火车站口岸

Chi Ma - Cửa khẩu song phương/ 峙马 - 双边性口岸;

Các cửa khẩu phụ: Pò Mã, Bình Nghi, Na Hình, Tân Thanh, Cốc Nam, Pò Nhùng, Co Sâu, Nà Cang, Bản Chắt.

通道: 那讷、平宜、那行、新清、谷楠、浦茸、个瘦、那刚、板质。

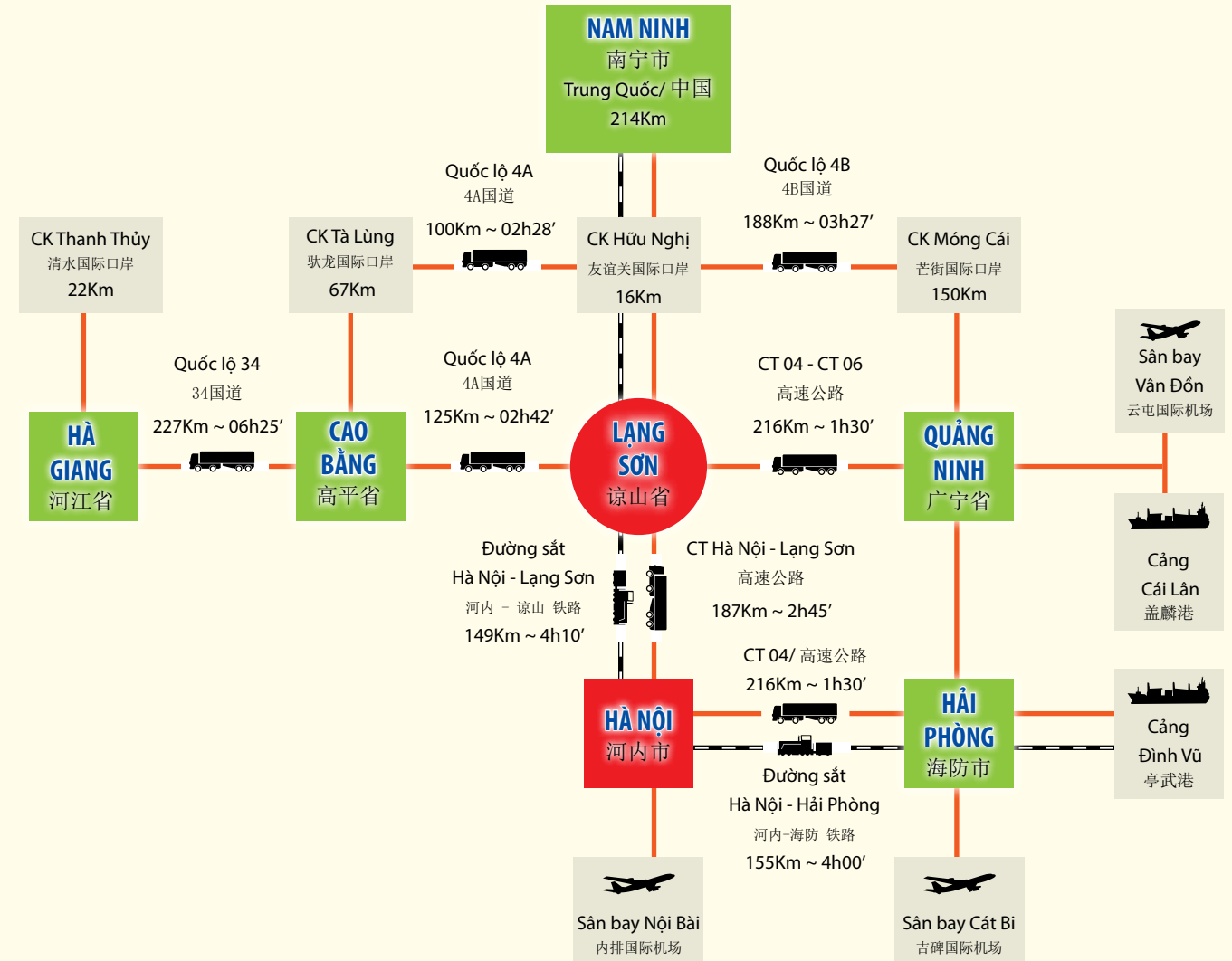
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẠNG SƠN TRONG KHU VỰC

地区中谅山位置图



SƠ ĐỒ TUYẾN GIAO THÔNG KẾT NỐI TRONG KHU VỰC

区域交通路线图



LANG SON / 谅山省

2016 - 2020

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GRDP BÌNH QUÂN
平均GRDP增长率



5,06%

**NÔNG
LÂM NGHIỆP,
THỦY SẢN**
农林业、水产

1,72%

**CÔNG NGHIỆP
VÀ XÂY DỰNG**
工业与建筑业

10,90%

DỊCH VỤ
服务行业

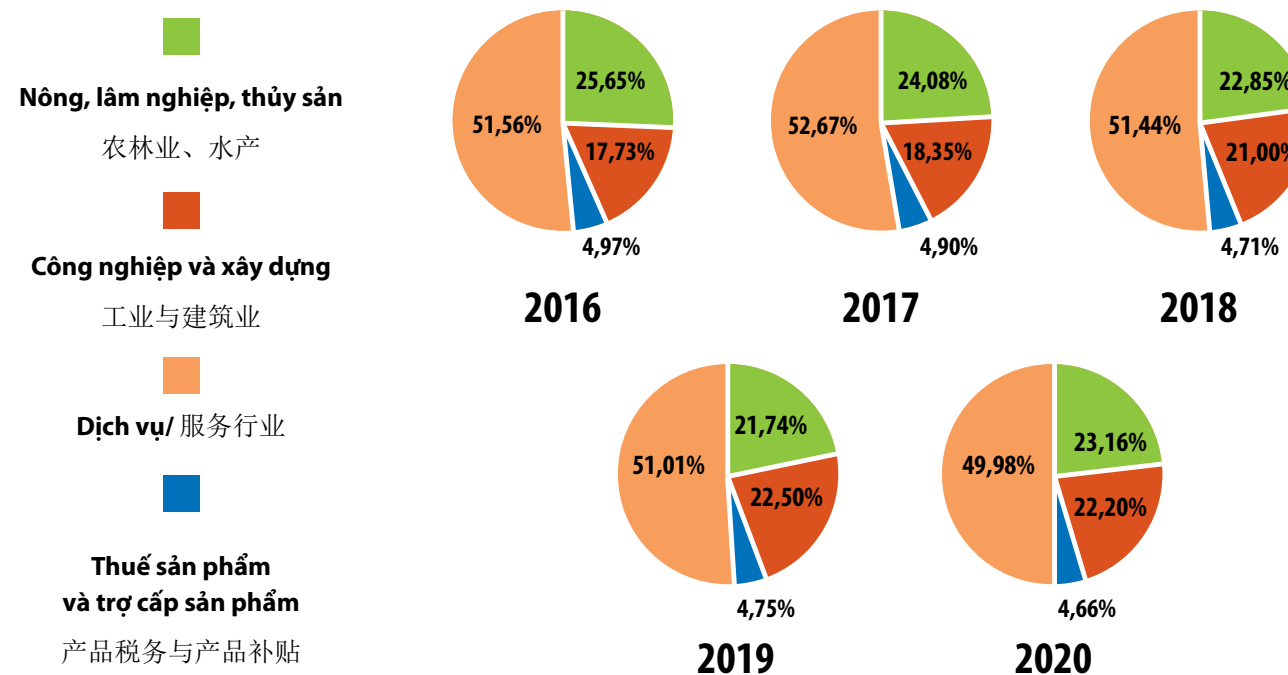
5,06%

GRDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI
人均国内生产总值



44,33 TRIỆU ĐỒNG
百万盾

CƠ CẤU KINH TẾ / 经济结构



TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI 2016 - 2020/ 2016-2020年社会投资总额

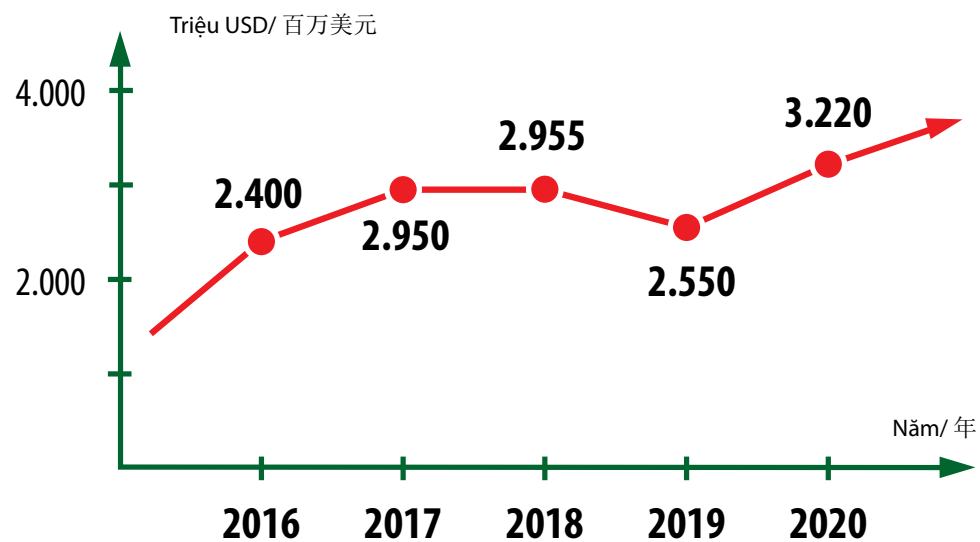


62.300 TỶ ĐỒNG
十亿越南盾

TỶ TRỌNG VỐN KHU VỰC NHÀ NƯỚC 国有部门资本比重	TỶ TRỌNG VỐN KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC 非国有资本比重
33,69%	66,31%



KIM NGẠCH XUẤT - NHẬP KHẨU 2016 - 2020/ 2016 - 2020年进出口金额



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA
VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

2016 - 2020
2016 - 2020 年
零售与消费服务总金额

90.501

NGHÌN TỶ ĐỒNG
万亿越南盾

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH - PCI
PCI - 竞争力指数

NĂM/ 年	PCI
2016	55
2017	53
2018	50
2019	50
2020	49

DOANH THU DỊCH VỤ DU LỊCH
旅游服务收入

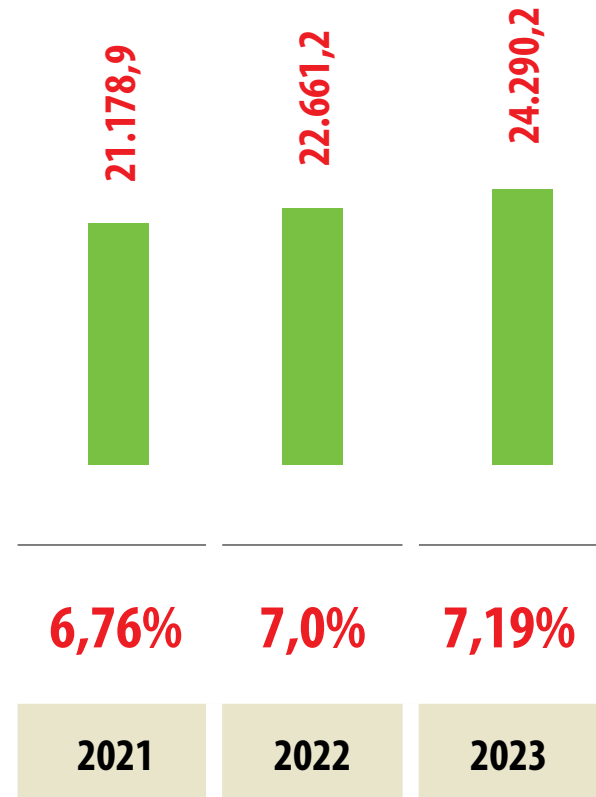
NĂM/ 年	DOANH THU/ 收入 (Tỷ đồng/ 十亿越南盾)
2016	860
2017	910
2018	930
2019	980
2020	1.325

LANG SON / 谅山省

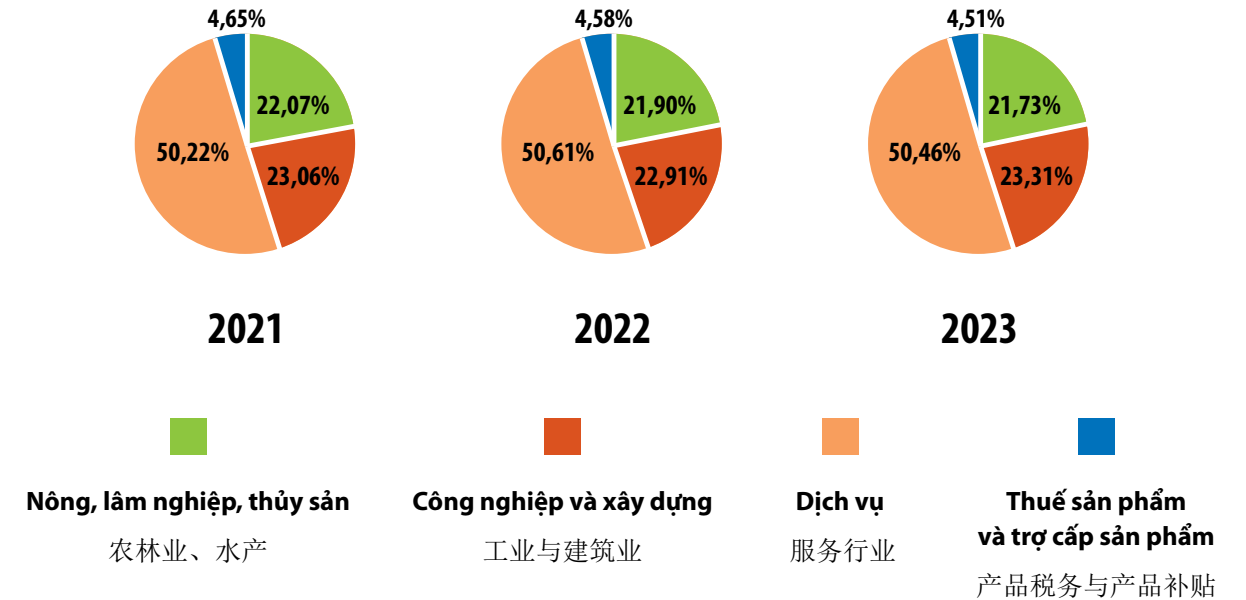
2021 - 2023

TĂNG TRƯỞNG GRDP / GRDP增长率

TỶ ĐỒNG / 十亿越南盾



CƠ CẤU KINH TẾ / 经济结构



TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI 2021 - 2023/ 2021-2023年社会投资总额

TỶ ĐỒNG/ 十亿越南盾



16.966	20.395	34.790
2021	2022	2023

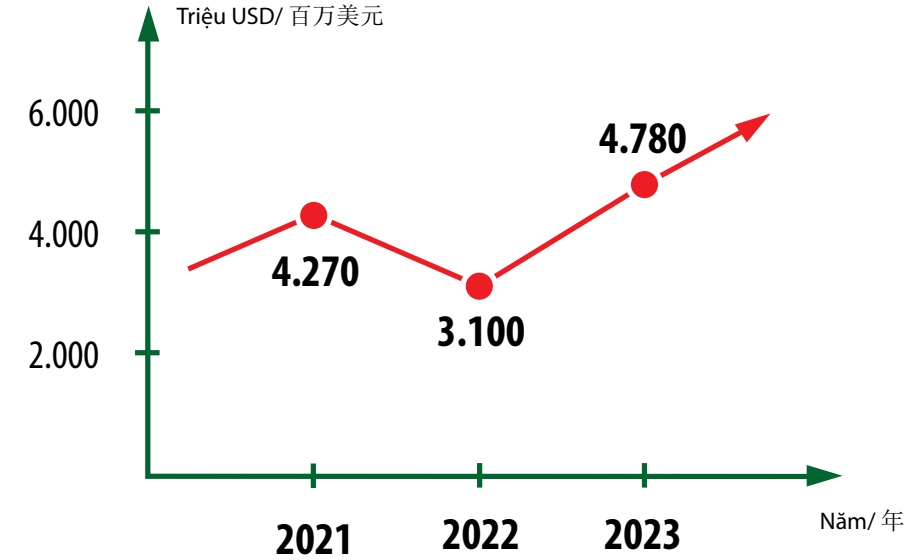
TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 2021 - 2023
2021 - 2023 年零售与消费服务总金额

TỶ ĐỒNG/ 十亿越南盾



19.057	21.729	35.128
2021	2022	2023

KIM NGẠCH XUẤT - NHẬP KHẨU 2021 - 2023/ 2021 - 2023年进出口金额



CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH - PCI
PCI - 竞争力指数

NĂM/ 年	PCI
2021	36
2022	15
2023	13

LẠNG SƠN

TIỀM NĂNG LỢI THẾ

凉山潜力优势

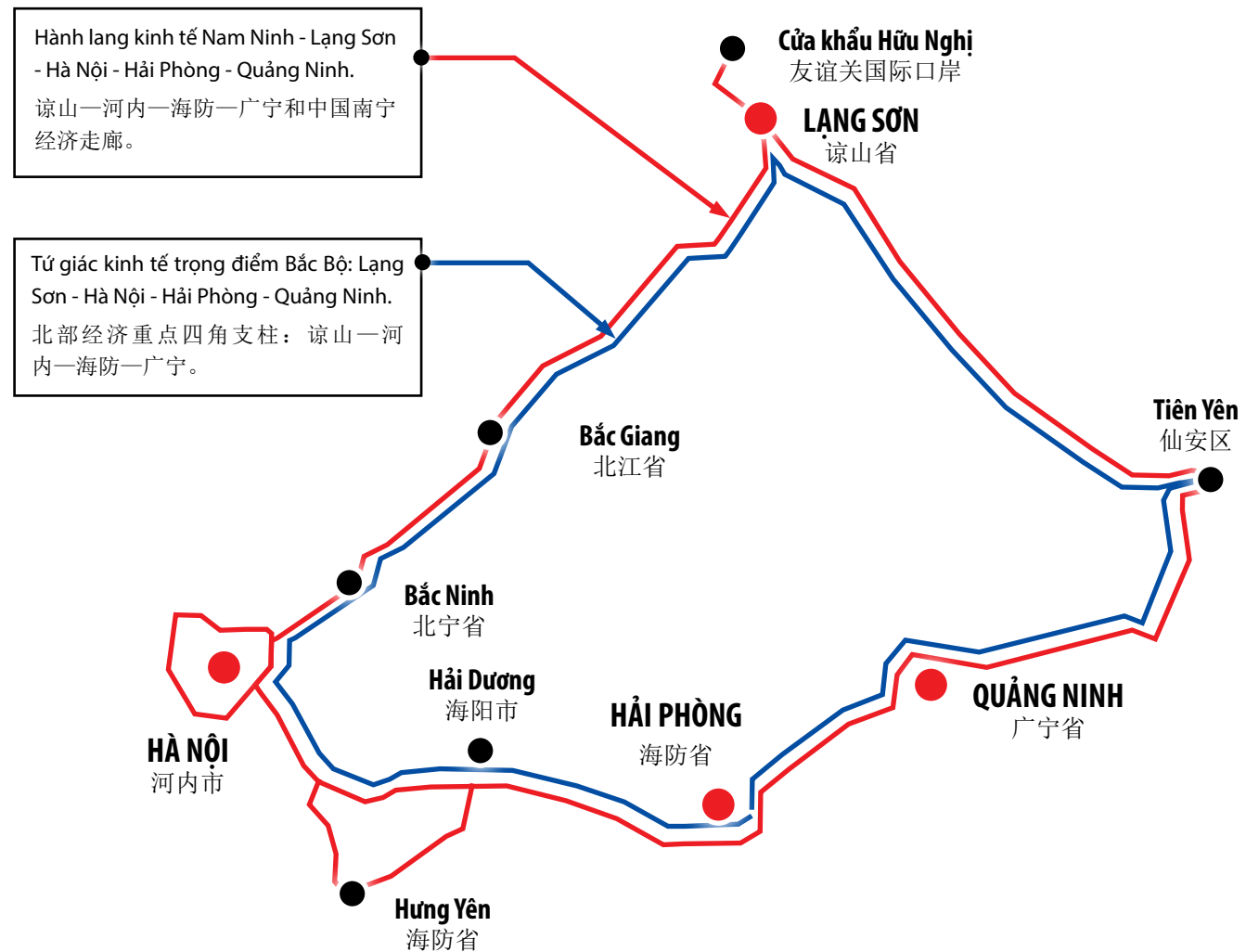
- **Vị trí chiến lược/ 战略位置。**
- **Cửa khẩu quốc tế và Khu kinh tế Cửa khẩu .**
I国际口岸与口岸经济区。
- **Hệ thống giao thông đồng bộ;**
kết nối liên vận với Trung Quốc - Tây Á - Châu Âu.
同步交通系统：陆路、铁路 联运与中国—西亚—欧洲。
- **Tài nguyên du lịch phong phú đặc sắc.**
旅游资源十分丰富、特色。
- **Hạ tầng xã hội ổn định, phát triển.**
社会基础设施稳固且持续发展。
- **Chính sách thu hút đầu tư nhiều ưu đãi, thông thoáng.**
招商引资政策激励多、开放。





VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC/ 战略位置

- Nằm trong vùng kinh tế Trung du và miền núi phía Bắc .
位于北部山区和中部经济区。
- Kết nối nhanh, dễ dàng và thuận tiện với Thủ đô Hà Nội.
与首都河内快速、轻松和便捷地连接。
- Điểm nút của Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh;
Cầu nối quan trọng giữa Việt Nam, các nước ASEAN và Trung Quốc.
是谅山—河内—海防—广宁与中国南宁经济走廊节点。是越南、东盟国家与中国的重要桥头堡
- Một cực của tứ giác kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.
是北部经济重点的一角，与河内、海防和广宁共同组成越南北部经济重点四角支柱。



Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh lấy tuyến giao thông đường bộ và đường sắt làm trục; kết nối với Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN.

“南宁—谅山—河内—海防—广宁”经济走廊以公路与铁路交通路线为轴，连接与中国-东盟自由贸易区。



CỬA KHẨU QUỐC TẾ VÀ KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

国际口岸与口岸经济区

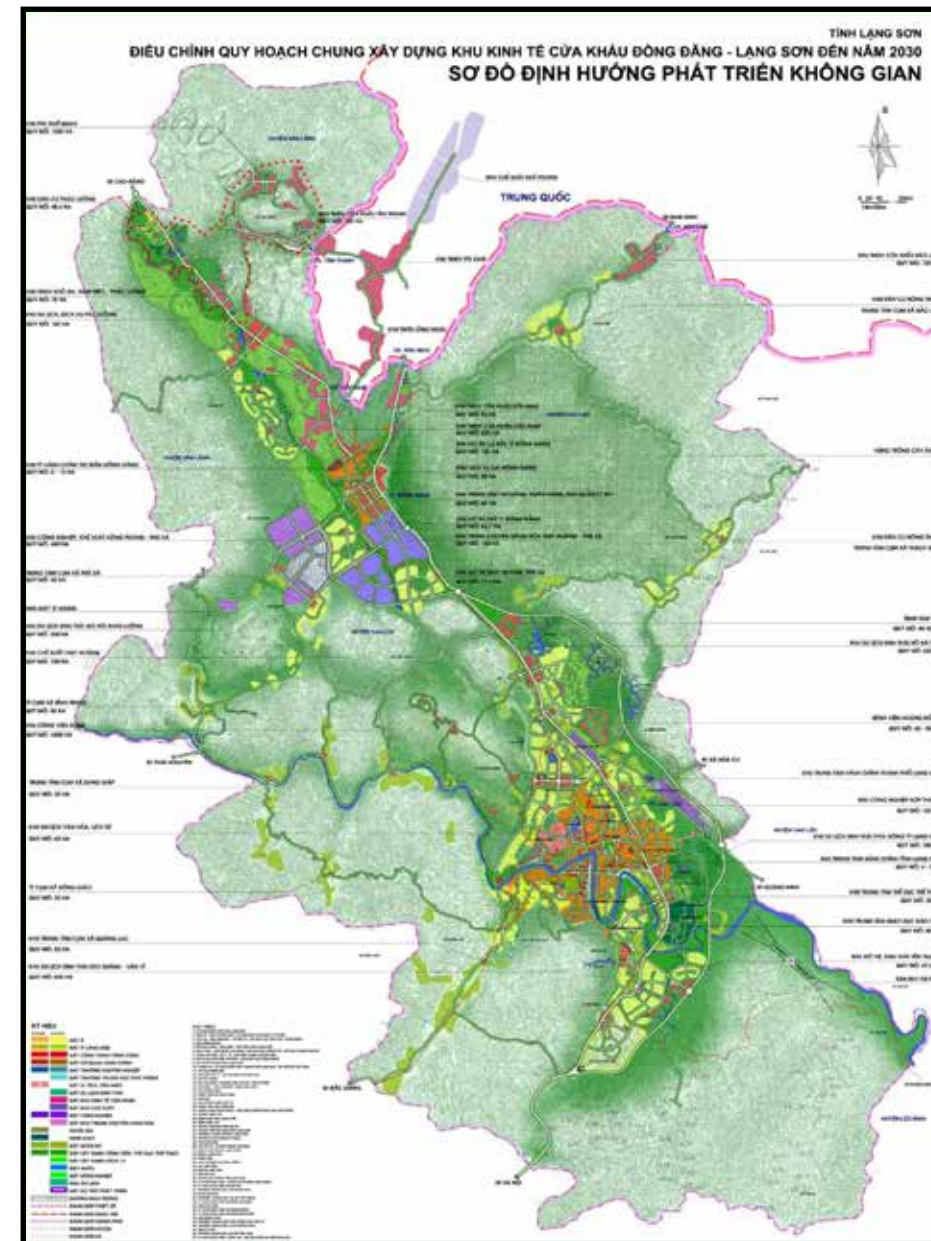
- Lạng Sơn có đường biên giới dài 231,74km tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) với 12 cửa khẩu.
 谅山有长达231.74公里的边境线，以12个口岸及通道与中国广西壮族自治区接壤。
- 02 cửa khẩu quốc tế: Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu Ga đường sắt Quốc tế Đồng Đăng; 01 cửa khẩu song phương Chi Ma và 09 cửa khẩu phụ.
 两个国际口岸：友谊关国际口岸，同登火车站国际口岸；一个峙马双方口岸和九个通道。
- Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn là một trong 8 khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm của Việt Nam để tập trung đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025.
 谅山同登口岸经济区是2021-2025年期间越南重点投资发展的8个重点口岸经济区之一。

**KHU KINH TẾ
CỬA KHẨU ĐỒNG ĐĂNG**

同登口岸经济区

Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn với quy mô diện tích khoảng 394Km², là khu kinh tế động lực trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, được Chính phủ lựa chọn là một trong các khu KTCK trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025.

谅山同登口岸经济区总面积大约394平方公里，是“谅山-河内-海防-广宁”经济走廊的一个驱动型经济区，被政府选定为2021-2025年期间重点投资发展的重点口岸经济区之一。



**HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐỒNG BỘ: ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT,
KẾT NỐI LIÊN VẬN VỚI TRUNG QUỐC - TÂY Á - CHÂU ÂU**

同步交通系统：陆路、铁路 联运与中国—西亚—欧洲



👍 ĐƯỜNG BỘ/ 陆路

7 quốc lộ chiều dài tổng cộng **553,9km**, **23** tuyến tỉnh lộ, chiều dài tổng cộng **714,8km**.

7条国道，总长达553.9公里；23条省道，总长714.8公里。

Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn: dài 43,2km, thuộc cao tốc Bắc Nam.

北江—谅山高速公路：长达43.2公里，属于北南高速公路的一部分。

👍 ĐƯỜNG SẮT LIÊN VẬN QUỐC TẾ/ 国际联运铁路

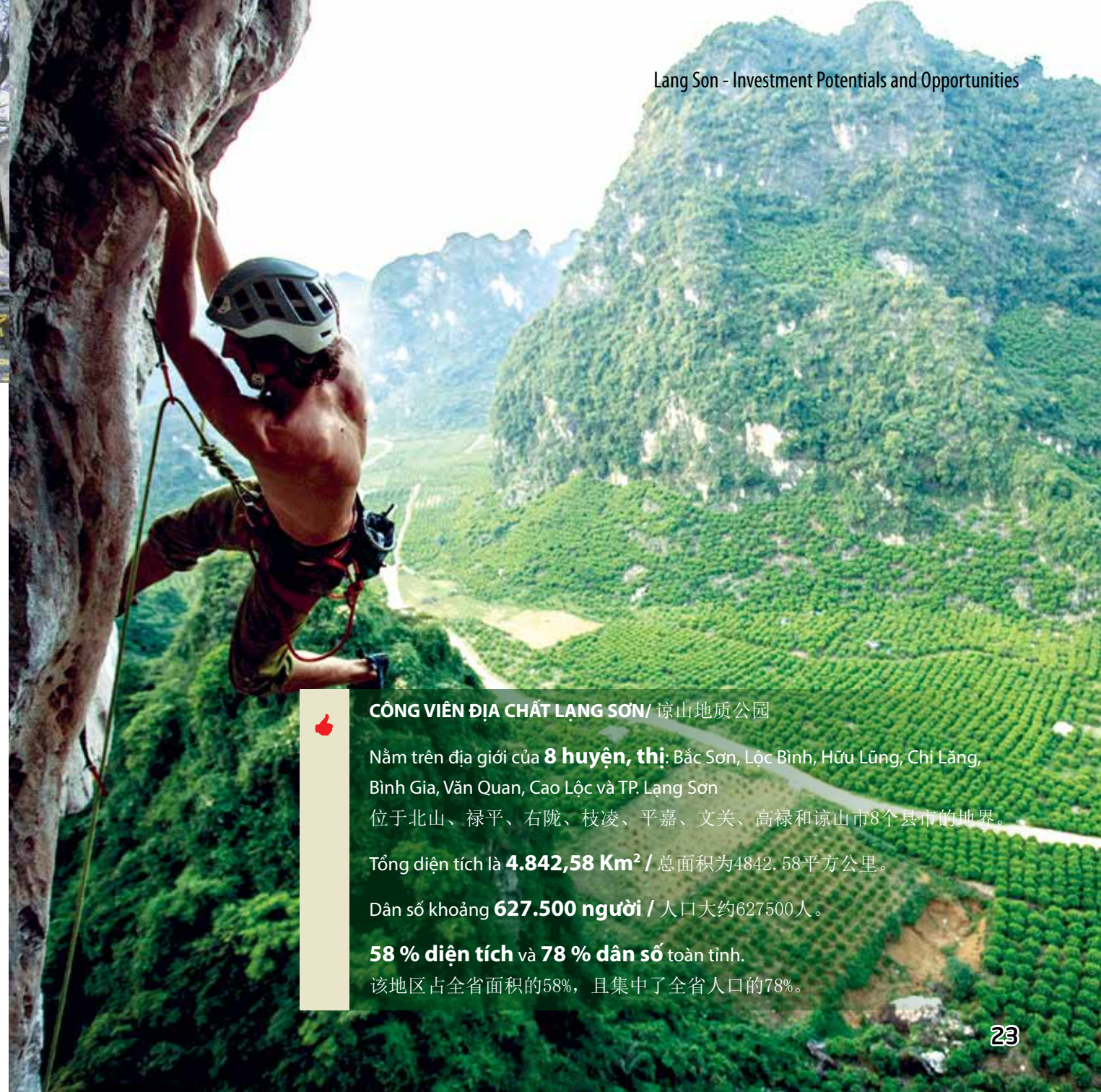
Tuyến đường sắt quốc gia **Hà Nội - Lạng Sơn - Đồng Đăng** dài **162km**.

河内—谅山—同登国际铁路线长达162公里。

Liên vận quốc tế kết nối đường sắt Việt Nam - Trung Quốc - Các nước Tây Á - Nga - Châu Âu.

国际联运连接了越南铁路与中国、西亚国家、俄罗斯和欧洲。





TÀI NGUYÊN DU LỊCH PHONG PHÚ, ĐẶC SẮC/ 旅游资源十分丰富、特色

- **Công viên địa chất Lạng Sơn** đang hướng tới trở thành Công viên địa chất toàn cầu.
谅山地质公园以成为全球地质公园为目标。
- **02** di tích cấp Quốc gia đặc biệt, **28** di tích xếp hạng cấp Quốc gia, **100** di tích xếp hạng cấp tỉnh.
02个国家特别遗迹, 28个国家级遗迹, 100个省级遗迹。
- **08** di sản được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.
08个遗产地被列入国家级非物质文化遗产名录。
- Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại: **Thực hành Then của đồng bào Tày, Nùng.**
人类代表非物质文化遗产: 傣族侬族民歌。
- Các di tích văn hóa tâm linh gắn với **tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt.**
与越南三府圣母祭祀信仰有关的精神文物。
- **Di tích lịch sử tiêu biểu:** Chiến thắng Chi Lăng, Khởi nghĩa Bắc Sơn, Chiến thắng đường 4...
典型历史遗迹: 枝凌战胜遗址、北山起义、4路道战胜遗址等
- **Danh thắng tiêu biểu:** Khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên, khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, động Nhị - Tam Thanh, hệ thống hang động ở Bình Gia, Bắc Sơn, Chi Lăng...
典型景观: 友连天然保存区, 母山国家旅游区, 二三清洞, 平嘉、北山和枝凌的洞穴系统等

CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT LANG SƠN/ 谅山地质公园

Nằm trên địa giới của **8 huyện, thị:** Bắc Sơn, Lộc Bình, Hữu Lũng, Chi Lăng, Bình Gia, Văn Quan, Cao Lộc và TP. Lạng Sơn
位于北山、禄平、右陇、枝凌、平嘉、文关、高禄和谅山市8个县市的界。

Tổng diện tích là **4.842,58 Km²** / 总面积为4842.58平方公里。

Dân số khoảng **627.500 người** / 人口大约627500人。

58 % diện tích và **78 % dân số** toàn tỉnh.
该地区占全省面积的58%, 且集中了全省人口的78%。



HẠ TẦNG XÃ HỘI ỔN ĐỊNH, PHÁT TRIỂN/ 社会基础设施稳固且持续发展

- Nguồn nhân lực dồi dào, ở độ tuổi trẻ, **56% là lao động qua đào tạo** (thống kê năm 2022).
人力资源丰富, 且年轻化, 56%劳动力受过培训 (2022年数据统计).
- **04** bệnh viện tuyến tỉnh, **10** Trung tâm y tế huyện, **2** phòng khám đa khoa khu vực, **200** trạm y tế xã phường và thị trấn.
包括: 04家省级医院, 10家县级医疗中心, 2家地区综合诊所, 以及200个乡镇坊卫生站.
- **Cơ sở hạ tầng cấp điện, cấp nước, bưu chính - viễn thông...** cơ bản có thể đáp ứng nhu cầu của dân cư và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.
供电、供水和邮电等基础设施基本满足全省民居和企业的使用需求.
- Đa dạng các dịch vụ hỗ trợ như **Hải quan, Logistic - Vận chuyển, Tư vấn - Kiểm toán, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm...** đáp ứng tốt các yêu cầu của doanh nghiệp.
海关、物流、审计咨询、金融、银行和保险业务等多元化支持服务基本满足各企业的使用需求.



KHU KINH TẾ - KHU CÔNG NGHIỆP - CỤM CÔNG NGHIỆP
经济区-工业园区-工业区

Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn: **39.400ha.**
谅山同登口岸经济区: 39400公顷

Khu Công nghiệp Đồng Bành: **162ha.**
同彭工业园区: 162公顷

Khu Công nghiệp Hữu Lũng: **600ha.**
右陇工业园区: 600公顷

Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Hữu Lũng: **5.500ha.**
右陇服务-都市-工业融合园区: 5500公顷

18 Cụm công nghiệp được phê duyệt
với tổng diện tích hơn **777ha** được quy hoạch.
规划批准产业集群18个，总面积超过777公顷。



CÁC KHU ĐÔ THỊ/ 都市区

KĐT Mai Pha, TP. Lạng Sơn: **91,73ha**
谅山市梅发都市区: 91.73公顷

KĐT Phú Lộc I, II, III, IV, TP. Lạng Sơn: **66,02ha**
谅山市富禄I、II、III、IV都市区: 66.02公顷

KĐT Nam Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn: **82,5ha**
谅山市南黄同都市区: 82.5公顷

KĐT Bến Bắc Riverside Lạng Sơn, TP. Lạng Sơn: **9,94ha**
谅山市谅山滨河畔都市区: 9.94公顷

KĐT Sinh thái Nà Chuông - Bình Cầm, TP. Lạng Sơn: **518,5ha**
谅山市那钟-平琴生态都市区, 518.5公顷

KĐT Mailand Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn: **600ha**
谅山市黄同Mailand都市区: 600公顷

KĐT Đông Nam TT. Đồng Mỏ, Chi Lăng: **19,8ha**
枝凌县同某镇东南都市区: 19.8公顷

KĐT mới Hữu Lũng: **4,019ha**
右陇新都市区: 4.019公顷

Khu hành chính - đô thị TT. Đồng Đăng, Cao Lộc: **21ha**
高禄县同登镇都市行政区: 21公顷



LẠNG SƠN 2021 - 2030

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

2021-2030年凉山省：发展定向

- **Phần đầu xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh và bền vững.**
致力于推动凉山省实现快速且可持续的发展。
- **Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vị trí cửa ngõ kết nối với thị trường Trung Quốc.** Đầu tư trọng điểm vào kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, thương mại và dịch vụ, từng bước đưa du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.
充分挖掘并发挥作为通往中国市场重要门户的潜力和独特优势。重点聚焦于口岸经济、工业、贸易及服务行业的深化投资，旨在逐步将旅游业培育为全省经济的核心支柱。同时，将农业结构调整与新农村建设紧密融合。
- **Tập trung phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, nông thôn, hạ tầng công nghiệp và công nghệ thông tin.**
聚焦发展交通基础设施、城市、农村、工业基础设施和信息化。
- **Tăng cường giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá đặc sắc của các dân tộc gắn với phát triển du lịch, hợp tác quốc tế, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả.**
在推进旅游业繁荣、深化国际合作、加速新农村建设与促进农村经济高效发展的同时，加强对各民族独特文化认同价值的保护、传承与弘扬。
- **Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.**
构建稳固的政治体系，强化国防安全与社会秩序维护能力，坚决捍卫国家边界主权。
- **Thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân, nhất là các khu vực nông thôn, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.**
实施快速且可持续的减贫战略，致力于显著提升人民，特别是农村、边境及特困地区民众的物质生活水平与精神文化生活质量。
- **Phát triển kinh tế theo hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải các bon thấp, hài hoà với thiên nhiên.**
经济发展应朝向促进绿色增长、构建循环经济体系、实现低碳排放以及与自然和谐共生的方向稳健迈进。



LẠNG SƠN 2021 - 2030

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2021-2030年谅山省：一些关键指标

- Tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm **8 - 9%**
年均地区生产总值（GRDP）增长率在8至9%
- GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt **150 triệu đồng**.
预计2030年人均地区生产总值（GRDP）达到1.5亿越南盾
- Cơ cấu các ngành kinh tế/经济行业结构:
 - Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm **12 - 13%**
农业和水产养殖业占经济总产值的12%至13%
 - Công nghiệp - xây dựng chiếm **32 - 33%**
工业建筑业占经济总产值的32%至33%
 - Thương mại - Dịch vụ chiếm **50 - 51%**
贸易-服务行业占经济总产值的50%至51%
 - Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm **4 - 5%**.
产品税净额占经济总产值的4%至5%
- Thu nội địa bình quân hàng năm tăng **9 - 10%**.
年均国内收入（国民收入）增长率为9%至10%
- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm đạt khoảng **9 - 10%**.
劳动生产率的年均增长率大约为9%至10%。
- Tổng lượt khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng **6 triệu lượt khách**.
预计到2030年游客总数将达到大约600万人次。
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng **340 nghìn tỷ đồng**.
全社会发展总投资金额达到大约340万亿越南盾

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH GIAI ĐOẠN 2021-2030

2021-2030年期间各行业发展定向



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP/ 工业发展定向

- Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và năng lực cạnh tranh, chú trọng phát triển các ngành công nghiệp xanh, đưa công nghiệp trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh.

朝着提升质量、强化价值和竞争能力的方向推进工业的发展，聚焦于绿色工业产业的发展，致力于将工业行业打造成为驱动全省经济增长与持续繁荣的核心引擎。
- Ưu tiên phát triển ngành sản xuất và chế biến, tập trung chế biến sâu nông lâm sản và sản xuất thực phẩm quy mô lớn. Chú trọng phát triển chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, phục vụ xuất khẩu trên cơ sở xây dựng các vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh đồng thời kết nối phát triển với các vùng địa phương lân cận.致力于优先发展加工和制造产业，并聚焦推动食品生产和农林产深加工实现大规模发展。在构建省内原材料基地的基础上，并与周边地区形成了发展联合体，将发展重点聚焦于木材加工以及木制品生产，出口服务。
- Ưu tiên phát triển các ngành năng lượng tái tạo, phát triển các khâu chuỗi cung ứng ngành điện gió; phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, điện tử, tái chế và sản xuất hàng hoá xuất khẩu, nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản xuất công nghiệp.

致力于优先发展可再生能源产业、与风力能源领域的供应系统构建；着力于拓展辅助工业领域、电子、资源再生和出口产品生产，提升工业生产价值和产品质量。
- Tận dụng lợi thế kết nối giao thông để phát triển công nghiệp, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút các dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn, các nhóm ngành có khả năng cạnh tranh tốt.

最大限度利用交通优势推动工业的发展，以吸引大规模工业生产项目以及竞争力较强的领域的项目入住为目标，致力于工业园区、工业区的基础设施的投资。
- Trọng tâm phát triển các khu công nghiệp là địa bàn các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình.

聚焦发展右陇县、枝凌县和禄平县的各工业园区。

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ/ 服务行业发展定向

- Xây dựng tỉnh Lạng Sơn thành trung tâm dịch vụ cấp vùng, trung tâm giao thương kinh tế, đối ngoại giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc, trung tâm dịch vụ logistics, cửa khẩu hiện đại của cả nước, thành phố cửa khẩu “Xanh” tiêu biểu của Việt Nam.
将谅山省打造成为越南与东盟国家和中国西南地区区域服务中心、经济外贸枢纽、全国领先的现代化口岸和物流出入境服务中心，并树立越南绿色口岸城市的典范。
- Ưu tiên phát triển 06 ngành dịch vụ gồm: Thương mại và dịch vụ kinh tế cửa khẩu; du lịch; dịch vụ vận tải, kho bãi; dịch vụ tài chính ngân hàng; dịch vụ giáo dục, y tế; các dịch vụ khác như viễn thông, dịch vụ hỗ trợ khoa học công nghệ.
致力于优先发展6个核心服务行业，包括：口岸商贸与经纪服务、旅游、运输和仓储服务、金融服务、教育服务以及医疗服务；同时，将大力推动电信、科技技术支持服务等其他行业的发展。
- Ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch đặc thù và xây dựng thương hiệu cho du lịch Lạng Sơn, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh với hệ thống hạ tầng đồng bộ, sản phẩm đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh cao.
致力于优先发展谅山特色旅游产品以及打造旅游品牌，将旅游行业成为该省基础设施同步、多样化产品、有品牌及高竞争力的经济核心支柱。
- Tập trung nâng cấp và phát triển nhóm sản phẩm du lịch chủ đạo gồm: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá tín ngưỡng, du lịch cửa khẩu... các sự kiện văn hoá thể thao, các sản phẩm du lịch bổ trợ như khám phá công viên địa chất toàn cầu, vui chơi giải trí, du lịch mạo hiểm, du lịch gắn với kinh tế đêm.
聚焦于主力旅游产品群的优化与发展，包括：生态旅游、度假旅游、文化宗教旅游和口岸旅游等核心领域；且着力发展全球地质公园探索、游乐场、冒险旅游与夜经济生活旅游的各文体活动辅助产品。

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM - THỦY SẢN 农林水产发展定向

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải carbon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững
致力于发展生态、有机、循环、低碳排放及环保的农业模式，为了可持续地适应于气候变化。
- Ưu tiên thúc đẩy một số chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, đặc hữu, chất lượng cao theo chuỗi giá trị: Na tại huyện Chi Lăng, Hữu Lũng; hồng tại huyện Cao Lộc, Văn Lãng; thạch đen tại huyện Bình gia, Tràng Định, Văn Lãng; hồi tại các huyện Văn Quan, Bình Gia Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Bắc Sơn; thông tại các huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập.
优先促进一些典型、特有且高质量农业产品链的价值链，如：枝凌县的番荔枝，文郎县和高禄县的柿子，平嘉县、长定县和文郎县的烧仙草；文关县、平嘉县、长定县、文郎县、高禄县和北山县的八角；高禄县、禄平县和定立县的松果等。
- Phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao kết hợp với chăn nuôi truyền thống.
致力于推动畜牧业生产向集中农场、现代化工业、高科技与传统畜牧相结合的方向发展。
- Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, dược liệu dưới tán rừng. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu từ rừng và hình thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
提高人工林质量、聚焦发展用材林和树冠下的药材种植。致力于发展木材加工、非木林产品、林中的药材且兴办相关的生产与经营机构。



**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU
VÀ KHU KINH TẾ CỬA KHẨU ĐỒNG ĐĂNG LẠNG SƠN**
谅山同登口岸经济区和口岸经济发展定向



- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn thành trung tâm kinh tế cửa khẩu hiện đại, năng động, trung tâm dịch vụ cửa khẩu và hậu cần logistics quốc gia và quốc tế.
将谅山同登口岸经济区发展成为现代并充满活力的口岸经济中心、国内外物流后勤和口岸服务中心。
- Phát triển các loại hình dịch vụ qua biên giới gắn với kinh tế cửa khẩu.
致力于发展各类型跨境服务，并将其与口岸经济紧密结合。
- Tiếp tục phát triển 12 cửa khẩu, trong đó tập trung phát triển 05 cửa khẩu:
持续发展12个口岸，其中聚焦发展05个口岸：
 - Cửa khẩu Hữu Nghị phát triển trở thành cửa khẩu kiểu mẫu ứng dụng công nghệ cao, là mô hình điển hình cho vận tải đường bộ Việt Nam.
将友谊关国际口岸发展成为高科技口岸的典范，是越南陆路运输的典型模式
 - Cửa khẩu Ga đường sắt Đồng Đăng hướng tới cung cấp các dịch vụ logistics và các dịch vụ hỗ trợ thông minh, hiện đại.
同登火车站国际口岸以提供现代化、智能化物流服务和配套服务为发展方向。
 - Nâng cấp cặp cửa khẩu song phương Chi Ma (Việt Nam) – Ái Điểm (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế và phát triển kho bãi và dịch vụ logistics cho thương mại điện tử.
将越南峙马和中国爱店双方口岸优化升级成为国际口岸，并发展电子商务（电商）物流和仓储服务。
 - Nâng cấp cặp cửa khẩu Bình Nghi (Việt Nam) – Bình Nghi Quan (Trung Quốc) thành cửa khẩu song phương.
将越南平宜—中国平宜关通道优化升级成为双方口岸。
 - Cửa khẩu Tân Thanh phát triển trở thành trung tâm chế xuất nông sản và tiêu thụ hàng nông sản cho Việt Nam, các nước ASEAN và Trung Quốc. Phát triển kho bãi và dịch vụ logistics cho thương mại điện tử tại cửa khẩu Chi Ma.
将新清通道发展成为越南、东盟国家与中国的农产品加工与销售中心。发展峙马口岸电子商务物流与仓储服务。

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG KINH TẾ

经济区域发展定向



VÙNG KINH TẾ ĐỘNG LỰC / 动力经济区

Gồm thành phố Lạng Sơn mở rộng, huyện Chi Lăng, huyện Hữu Lũng
包括：扩容的谅山市、枝凌县和右陇县。

Tập trung phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ gắn với kinh tế cửa khẩu; trung tâm, động lực tăng trưởng chủ đạo của tỉnh, là đầu mối giao lưu, liên kết, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Định hướng phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế đô thị, dịch vụ logistics và vận tải, thương mại, du lịch, công nghiệp...

聚焦与口岸经济相结合的工业、都市和服务的发展，是省级经济增长关键引擎和核心动力，是全省促进社会-经济发展、合作与交流的着力点。致力于定向发展口岸经济、都市经济、物流服务、商贸、旅游和工业等。

VÙNG KINH TẾ PHÍA ĐÔNG/ 东边经济区

Gồm huyện Lộc Bình, Đình Lập/ 包括禄平县和定立县。

Định hướng phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió; công nghiệp chế biến nông lâm sản gắn với vùng nguyên liệu; các ngành dịch vụ trong đó tập trung phát triển dịch vụ logistics, kho bãi...đẩy mạnh phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt chú trọng phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn.

致力于定向发展再生能源工业，特别是风力能源；与原材料区相关的农-林产品加工工业；各服务行业，其中聚焦发展物流和仓储服务等；促进旅游基础设施发展，特别是重点发展牡山国家旅游区。

VÙNG KINH TẾ PHÍA TÂY/ 西边经济区

Gồm huyện Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Văn Lãng, Tràng Định
包括文关县、平嘉县、北山县、文郎县和长定县。

Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông lâm sản, ưu tiên phát triển kinh tế xanh, năng lượng tái tạo; là vùng đệm, vùng cung cấp nguyên, vật liệu hỗ trợ cho vùng kinh tế động lực, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với kinh tế nông nghiệp, nông thôn và kinh tế cửa khẩu.

发展农-林业与农-林业产品加工工业，最大限度优先发展绿色经济和可再生能源；是一个缓冲区、为动力经济区提供原材料和辅助材料的地区，致力于发展与农业、农村和口岸经济相关的贸易、服务和旅游业。

PHÁT TRIỂN CÁC HÀNH LANG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

2021-2030年期间各经济走廊的发展

TRỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỒNG ĐĂNG - HỮU LŨNG

右陇-同登经济发展轴

Kéo dài từ cửa khẩu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Đăng - Văn Lãng - thị trấn Cao Lộc - TP Lạng Sơn - Chi Lăng - Hữu Lũng. Đây là trục động lực và kết nối phát triển kinh tế quan trọng nhất của tỉnh.

从友谊关国际口岸延长到同登镇、文郎镇、高禄镇、谅山市、枝陵和右陇。这是省级最重要的经济驱动轴和发展纽带。

02 TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ

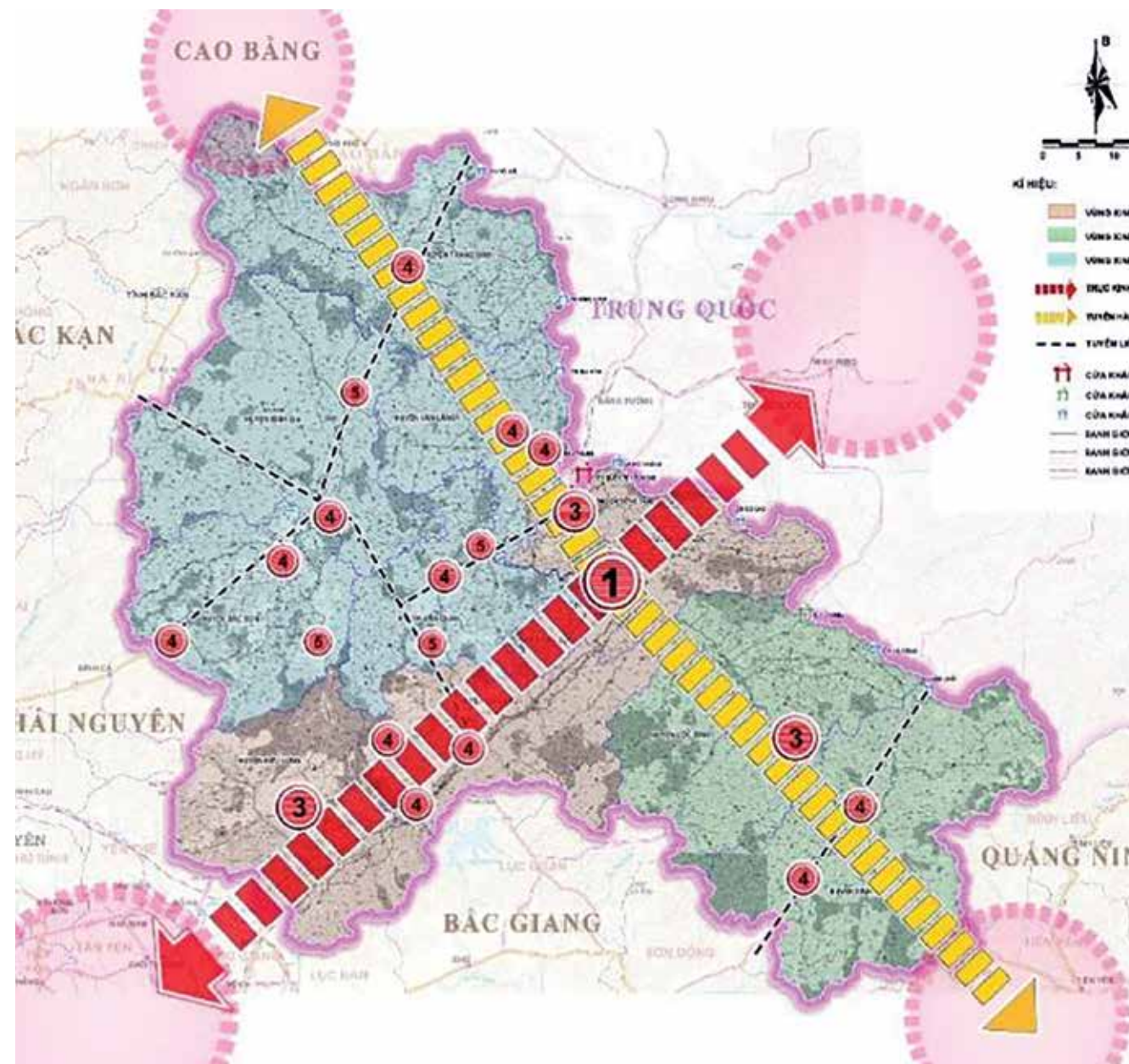
02个经济走廊路线

Tuyến Hành lang kinh tế Cao Lộc - Văn Lãng - Tràng Định (dọc theo cao tốc Đồng Đăng-Trà Lĩnh, kết nối với Cao Bằng).

高禄-文郎-长定经济走廊路线（沿着同登-茶岭高速公路，与高平省相连）

Tuyến Hành lang kinh tế TP Lạng Sơn - Cao Lộc - Lộc Bình - Đình Lập (kết nối với Tiên Yên, Quảng Ninh).

谅山市-高禄-禄平-定立经济走廊路线（与广宁仙安相连）。



ĐỊNH HƯỚNG LIÊN KẾT VÙNG GIAI ĐOẠN 2021- 2030

2021-2030年期间区域经济链接定向

LIÊN KẾT CÁC VÙNG TRONG NỘI TỈNH

省内经济区连接

Vùng động lực là thị trường tiêu thụ, chế biến, trung chuyển sản phẩm cho vùng kinh tế phía Đông, phía Tây của tỉnh. Trong khi đó, các vùng kinh tế phía Đông, phía Tây là nơi cung ứng nguyên liệu, năng lượng, nhân lực... cho sự phát triển của vùng động lực.

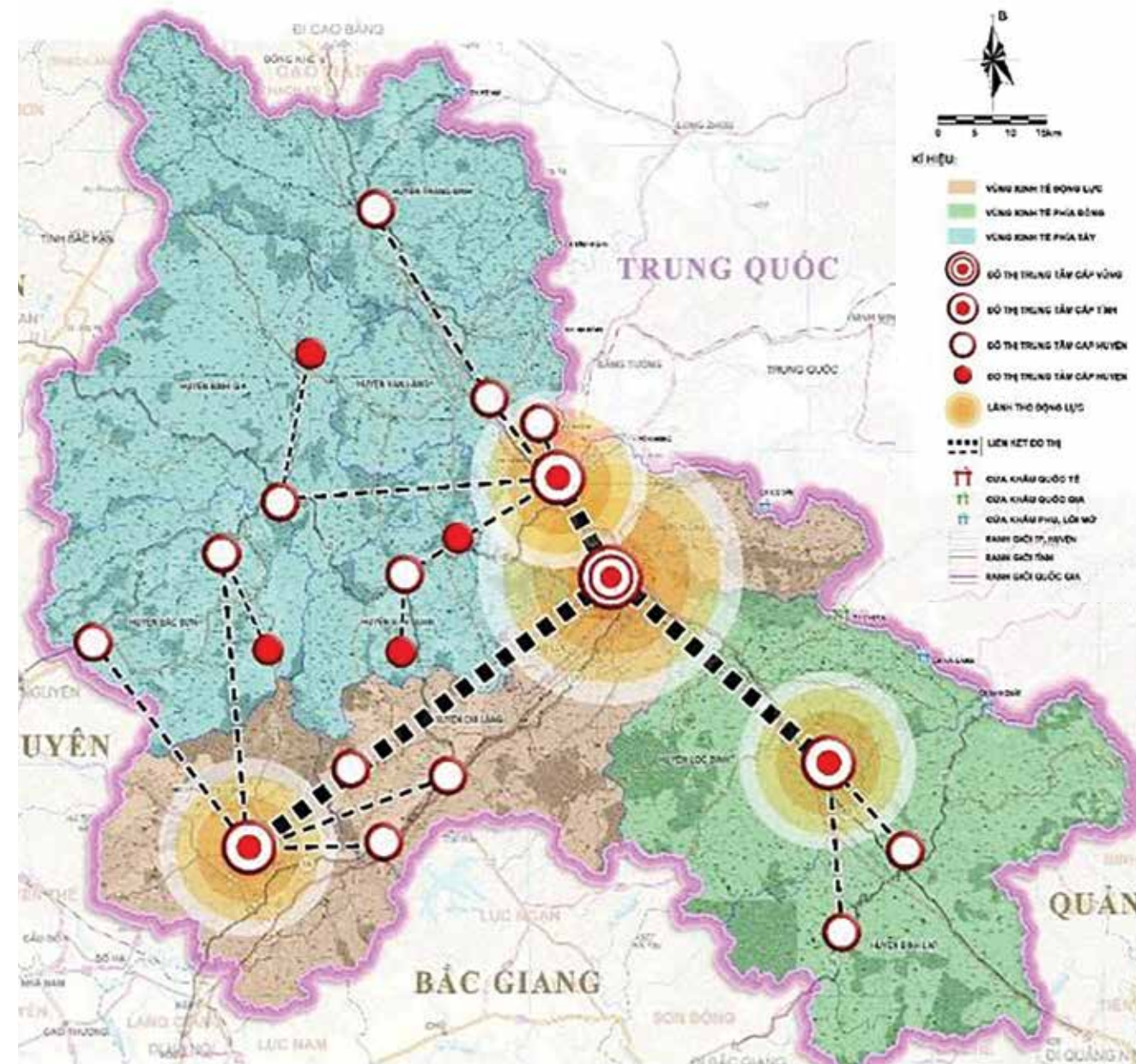
动力经济区是该生东边经济区和西边经济区产品加工、销售及转运的主要市场。然而，东边与西边经济区则为动力经济区的发展提供了原材料、能源和人力等。

KẾT NỐI CÁC VÙNG TRONG KHU VỰC

地区内经济区连接

Hội nhập với phía Bắc, tranh thủ thị trường rộng lớn của Quảng Tây nói riêng, Trung Quốc nói chung; kết nối với phía Nam, liên kết phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và du lịch với các địa phương trên tuyến Hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và các tỉnh thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng.

与北方接轨，争取发展广西乃至全中国的广大市场；与南方接轨，联合发展属于凉山-河内-海防-广宁经济走廊路线的各地区以及红河三角洲各省的工业、农业、商贸和旅游业。



MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI - HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

投资补助和优惠政策

Thực hiện theo chính sách, quy định chung của Chính phủ; theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

根据政府的一般政策与法规，依据2022年7月7日辽宁省人民委员会发布的第16/2022/NQ-HDND号决议，该决议提出了关于辽宁省内投资支持与优惠的多项政策。

HỖ TRỢ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

投资程序支持

● Hỗ trợ, tư vấn miễn phí thủ tục thành lập doanh nghiệp, các thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng, môi trường và các thủ tục hành chính khác thuộc thẩm quyền của địa phương từ giai đoạn khảo sát, nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư đến khi dự án đi vào hoạt động.

提供免费咨询有关企业注册手续，投资、贸易、土地、建设和环境的行政手续，以及从考察、投资项目立项研究到项目实施运营过程中所涉及的其他所有当地管辖范围内的形成程序。

● Cung cấp thông tin về quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn. Đồng hành và hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát các địa điểm nhà đầu tư quan tâm.

提供辽宁省社会经济发展规划与定向的相关信息。陪同并支持投资商进行勘察投资商所感兴趣的地区。

HỖ TRỢ TIẾP CẬN MẶT BẰNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

生产和经营场所准入的支持

● Đối với các dự án thuộc trường hợp nhà đầu tư và người sử dụng đất tự thỏa thuận việc sử dụng đất: thành lập tổ công tác do lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố làm tổ trưởng để phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư tuyên truyền, thỏa thuận việc sử dụng đất với các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân tại các vị trí đề xuất dự án đã phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

对于属于投资商与土地使用者商议土地使用权的项目：成立由市级和县级人民委员会领导担任组长的工作小组，负责协助投资商与符合土地规划与使用的项目要求的经济组织、个体和家庭户进行土地使用方面的宣传和协商工作。

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

工业区技术基础设施建设的投资支持

- **Điều kiện hỗ trợ:** Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

支持条件: 已获得投资政策主管部门批准投资的工业区技术基础设施建设与经营的项目。

- **Nội dung hỗ trợ:** hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

支持内容: 根据主管部门批准的规划, 将提供经费支持用于工业区技术基础设施建设。

- **Mức hỗ trợ:** hỗ trợ 200 triệu đồng/ha, tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

支持额度: 每公顷可补贴2亿越南盾, 每个工业区的总补贴额度不得超过100亿越南盾。

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT NGOÀI HÀNG RÀO DỰ ÁN

项目外围技术基础设施建设的投资支持

- **Điều kiện hỗ trợ:** Dự án có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư), hoàn thành đi vào hoạt động theo đúng nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

支持条件: 具备2000亿越南盾起的总投资额度 (不包含赔偿、安置和补贴费用) 的项目, 且按照投资登记证或投资计划批准决定中规定的内容, 完善项目并按时投入运营。

- **Nội dung hỗ trợ:** Nhà đầu tư có dự án đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của chính sách này, nếu bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông, hệ thống thoát nước kết nối đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ đầu tư đường giao thông, hệ thống thoát nước đến hàng rào dự án.

支持内容: 符合该政策支持条件的项目投资商, 若项目外围缺乏与项目围墙直接相连的道路与排水系统, 则将获得针对通往项目围墙的交通道路和排水系统的投资支持。

- **Mức hỗ trợ:** hỗ trợ 50% chi phí xây lắp công trình trước thuế theo thiết kế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng các nội dung hỗ trợ nêu trên không vượt quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

支持额度: 根据主管部门批准的设计和概算, 项目投资商可获得其税前建设和安装费用的50%作为支持, 但上述的支持内容针对每一项目所提供资助上限不得超过100亿越南盾。

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG/ 劳动培训支持

- **Điều kiện hỗ trợ:** Nhà đầu tư có dự án thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này, đáp ứng đồng thời các điều kiện: sử dụng từ 50 lao động trở lên; nhà đầu tư có ký hợp đồng với người lao động từ 12 tháng trở lên, tham gia đóng bảo hiểm xã hội; lao động chưa qua đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng của dự án, cần đào tạo và đào tạo lại.

支持条件: 属于本议决支持对象的项目投资商, 须同时满足以下条件: 至少雇佣50名劳动; 投资商需与劳动者签署12个月以上的劳动合同, 并为其缴纳社保; 对于未经培训或培训专业不符合工作岗位需根的劳动者, 需据项目的实际使用需求进行培训或在培训。

- **Số lần hỗ trợ và mức hỗ trợ:** Số lần hỗ trợ: mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo 01 lần. Mức hỗ trợ: tối đa không vượt quá 01 tỷ đồng/dự án, cụ thể: Đối với đào tạo trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 03 tháng: hỗ trợ 01 triệu đồng/01 lao động/khoá. Đối với đào tạo trình độ trung cấp: hỗ trợ 1,5 triệu đồng/01 lao động/khoá. Đối với đào tạo trình độ cao đẳng: hỗ trợ 03 triệu đồng/01 lao động/khoá.

支持次数和额度: 支持次数: 每名劳动者可享有1次培训支持。支持额度: 每个项目不得超过10亿越南盾, 具体如下: 对于初级水平的培训或低于3个月的职业教育可获得每届每劳动者100万越南盾的支持; 对于中级水平的培训可获得每届每劳动者150万越南盾的支持; 对于大专学历的培训则可获得每届每劳动者300万越南盾的支持。

LẠNG SƠN – TIỀM NĂNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Chỉ đạo thực hiện: Ông Hoàng Xuân Thuận – Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lạng Sơn

Chịu trách nhiệm xuất bản: Bà Dương Thị Hồng Vân - Phó trưởng phòng phụ trách phòng XTĐT&HTDN

Ban biên tập: Đồng Quang Thường, Trần Thị Ngọc Châu, Đặng Viết Trung

Tác giả ảnh: Bùi Vinh Thuận, Nguyễn Sơn Tùng, Lưu Minh Dân, Nguyễn Minh Đức, Quang Huy, Ngô Huy Hòa ... và ảnh sưu tầm.

Thiết kế và chế bản: VIETSUN JSC - Hotline: 0913 598 333

In 1.000 quyển, kích thước 20cm x 20cm tại Công ty CP In Sao Việt. Số 9/40 phố Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội.

GPXB số: 38/GP-STTTT, do Sở Thông tin và Truyền thông Lạng Sơn cấp ngày 17/07/2023. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.

Ảnh bìa 1: Cột cờ Phai Vệ - Ảnh: Lưu Minh Dân Ảnh bìa 4: Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị - Ảnh: Quang Huy



LANG SON TIỀM NĂNG CƠ HỘI ĐẦU TƯ



凉山投资潜在机会

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH LẠNG SƠN
凉山省投资、商贸与旅游促进中心

Tầng 1, Trụ sở Liên cơ quan, Khu tái định cư và dân cư Nam Thành phố, xã Mai Pha, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
凉山省凉山市梅发乡南城安置住宅区综合行政大楼01层

Mobile/ 电话: (+84) 912 203 204/ 983 933 785 - Email/ 邮箱: ttxt.ls@gmail.com

Xuất bản phẩm không bán